SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang
Thời gian ký: 11/03/2021 09:51:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 451 /QĐ-UBND	*Hà Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 1089/NHCS-TDSV ngày 01/02/2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội v/v tham gia ý kiến về đề xuất xin chủ trương về cơ chế hỗ trợ trong hoạt động cho vay theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Kết luận phiên họp Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh ngày 08 tháng 3 năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 60 /TTr-STC ngày 26 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hà Giang; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- T.trực các huyện Ủy/Thành ủy;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Hệ thống Vnpti Office;
- Lưu VT, CV (KTTH3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 451 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025 theo Điều 2 và Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

2. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang; Hướng dẫn số 51/HD-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh

Nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh Hà Giang ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Sở Tài chính được UBND tỉnh Hà Giang ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

Điều 5. Lập dự toán, phân bổ nguồn vốn và phương thức chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác

1. Lập dự toán

Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách địa phương:

a) Tại cấp xã

- Hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu vay vốn cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ; tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành trong năm kế hoạch đăng ký vay vốn trực tiếp với UBND cấp xã;

- UBND cấp xã thẩm định, lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm kế hoạch *(chi tiết danh sách hộ nghèo, cận nghèo; tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, số tiền đề nghị được vay vốn, diện tích thực hiện)* gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Tại cấp huyện:

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn năm trước, 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm; số nợ gốc đã thu hồi trong 6 tháng đầu năm, số dự kiến thu hồi trong năm và năm kế hoạch gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Căn cứ kết quả thực hiện của năm trước, 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm kế hoạch do UBND cấp xã đề nghị: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và UBND cấp xã thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm kế hoạch *(chi tiết danh sách hộ nghèo, cận nghèo; tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, số tiền đề nghị được vay vốn, diện tích thực hiện)* báo cáo UBND cấp huyện xem xét gửi về Sở Tài chính.

c) Tại cấp tỉnh:

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn năm trước, 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm; số nợ gốc đã thu hồi trong 6 tháng đầu năm, số dự kiến thu hồi trong năm và năm kế hoạch; xây dựng dự toán kinh phí quản lý vốn nhận ủy thác gửi Sở Tài chính.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm kế hoạch, trong đó xác định rõ số bổ sung nguồn vốn ủy thác *(nếu có)* để báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối bố trí dự toán kinh phí thực hiện chính sách *(Gồm: Vốn ủy thác bổ sung theo các Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt; vốn ủy thác đã thu hồi).*

2. Phân bổ nguồn vốn

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét phân bổ kinh phí thực hiện chính sách *(chi tiết theo từng Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt)*.

3. Phương thức chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác

Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách của UBND tỉnh, hợp đồng ủy thác, Sở Tài chính chuyển tiền ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh bằng hình thức lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Đối tượng cho vay và mục đích sử dụng vốn vay

1. Đối tượng cho vay

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ.

b) Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành.

2. Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

Điều 7. Quy trình thủ tục, điều kiện cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Quy trình thủ tục cho vay

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ: Áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành: Áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Điều kiện cho vay: Đối tượng vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện theo Nghị Quyết số 58/NQ/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh;

b) Đáp ứng điều kiện cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, trong đó:

- Không có dư nợ quá hạn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ có tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa đối với từng đối tượng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng.

3. Mức cho vay, thời hạn cho vay và lãi suất cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ:

- Mức cho vay: Tối thiểu 10 triệu đồng/hộ và tối đa 30 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay: Tối đa 30 tháng.

- Lãi suất cho vay: 0%.

b) Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành:

- Mức cho vay: Tối đa 60 triệu đồng/ha.

- Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng.

- Lãi suất cho vay: 0%.

Điều 8. Đảm bảo tiền vay áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành

1. Tổ chức phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Cá nhân có mức vay từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Gia hạn nợ

a) Trường hợp đối tượng vay vốn không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, đã được Bên cho vay kiểm tra xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ, thì Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

b) Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn *(từ 12 tháng trở xuống)* và không quá 1/2 thời hạn cho vay trung hạn *(từ trên 12 tháng đến 60 tháng)*.

c) Lãi suất khi được gia hạn nợ:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ: Lãi suất bằng lãi suất cho vay tương ứng với hộ nghèo, hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

- Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành: Lãi suất bằng lãi suất cho vay hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

2. Chuyển nợ quá hạn

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn: Đối tượng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích; có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, đối tượng vay vốn không được gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b) Sau khi chuyển nợ quá hạn, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị liên quan có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

c) Lãi suất khi chuyển nợ quá hạn:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển kinh tế vườn hộ: Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay tương ứng với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

- Tổ chức, cá nhân vay vốn để nâng cao chất lượng cây cam sành: Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

3. Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn do Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

4. Thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 10. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

a) Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng; biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể báo cáo trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro

a) Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ gửi Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc khoanh nợ và xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

3. Nguồn vốn để xử lý rủi ro

Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Nếu nguồn vốn ủy thác không đủ để giảm trực tiếp thực hiện xử lý nợ rủi ro thì Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách địa phương để xử lý.

Điều 11. Phí quản lý nguồn vốn ủy thác

1. Phí quản lý nguồn vốn ủy thác trong năm 2021 là 2,54%/năm/dư nợ cho vay bình quân, với số tiền ủy thác tối đa là 19,2 tỷ đồng *(theo nội dung văn bản số 1089/NHCS-TDSV ngày 01/02/2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam)*. Từ năm 2022 phí quản lý nguồn vốn ủy thác thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ hoặc hỗ trợ của Ngân hàng Chính sách xã hội *(nếu có)*.

2. Định kỳ hàng quý, căn cứ số vốn thực tế giải ngân, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp và báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện quản lý nguồn vốn ủy thác gửi Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi trả cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, thu nợ từ nguồn vốn ủy thác, nhu cầu kinh phí quản lý nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, quản lý.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác theo quy định tại Nghị Quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm và lập kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

d) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Chủ trì, phối hợp cùng UBND các cấp, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và đơn vị liên quan tích cực thu hồi nợ.

e) Hàng năm lập báo cáo quyết toán về kết quả hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi Sở Tài chính thẩm định, thời gian nộp báo cáo quyết toán chậm nhất là sau 45 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ kế toán; thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất khác theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh:

a) Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách; đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời theo Quyết định của UBND tỉnh cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay thực hiện chính sách.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

c) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

d) Thẩm định báo cáo quyết toán về kết quả hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính: Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm kế hoạch; hồ sơ vay vốn bị rủi ro; kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác; báo cáo quyết toán về kết quả hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng trên địa bàn đảm bảo đúng quy định tại Quy chế này.

b) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND cấp xã: Chấp hành đầy đủ các quy định về lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức, cá nhân; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu nợ; kiểm tra, phúc tra trường hợp đối tượng vay vốn bị rủi ro trên địa bàn,...theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế này, Hướng dẫn số 51/HD-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh và các quy định có liên quan.

5. UBND cấp xã:

a) Chấp hành đầy đủ các quy định về lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức, cá nhân; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu nợ; kiểm tra, phúc tra trường hợp đối tượng vay vốn bị rủi ro trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế này, Hướng dẫn số 51/HD-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh và các quy định có liên quan.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, cấp huyện xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn… hướng dẫn đối tượng vay vốn lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả nợ đúng quy định.

Điều 15. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc theo yêu cầu thực tiễn, đề nghị các tổ chức, cá nhân, các sở, ban, ngành, các huyện/thành phố gửi về Sở Tài chính để theo dõi tổng hợp chung, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.